

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày: 06/3/2019
*V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Ta- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 19/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2018/DS-ST, ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2019/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thùy S, sinh năm 1974, nơi cư trú: ấp Sơn T, xã Thới S, huyện TB, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976, có mặt;

2.2 Bà Huỳnh Thị Xuân Th, sinh năm 1979

Bà Huỳnh Thị Xuân Th ủy quyền cho ông Phạm Văn T (giấy ủy quyền ngày 18/10/2018) có mặt;

Cùng nơi cư trú: ấp Sơn T, xã Thới S, huyện TB, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn L, sinh

năm 1968, nơi cư trú: ấp Sơn T, xã Thới S, huyện TB, tỉnh An Giang, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1976,

Nơi cư trú: ấp Sơn T, xã Thới S, huyện TB, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thùy S trình bày:* Ông T và bà Th là bà con bên chồng, do cần tiền nên ngày 25 tháng 4 năm 2018 ông, bà mượn của bà S số tiền 495.000.000 đồng, hẹn đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ trả đủ tiền và không tính lãi suất. Nếu đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 ông T, bà Th không trả tiền thì đồng ý ký chuyển nhượng cho bà S diện tích đất 7.662 m² đất nông nghiệp do ông, bà đứng tên sở hữu, đến nay không thực hiện đúng thỏa thuận. Khi nhận tiền và thỏa thuận có làm biên nhận ngày 25 tháng 4 năm 2018 do chính ông T viết tại nhà bà, đồng thời ông T, bà Th cùng ký tên vào biên nhận.

Nay, bà S yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Huỳnh Thị Xuân Th trả số tiền vay vốn 495.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn T có ý kiến trình bày như sau:* Ông thừa nhận, vợ chồng ông còn nợ tiền của bà Trần Thùy S số tiền 495.000.000 đồng, nhưng số tiền này là ông vay từ bà S để cho người khác vay lại, đã kéo dài nhiều năm nay từ tháng 6-7 năm 2016. Số tiền này ông đóng lãi cho bà S 1.000.000 đồng là 8.000 đồng/ngày, tương đương 24%/tháng. Vay rất nhiều lần, mỗi lần vài chục triệu đồng không nhớ rõ ngày tháng vay, đến ngày 25 tháng 4 năm 2018 kết sổ lại thì ông và vợ (Xuân Th) còn nợ bà S số tiền 495.000.000 đồng, có lập biên nhận do ông ghi, đồng thời ông và vợ (Xuân Th) cùng ký tên. Nội dung vợ chồng ông, bà hẹn đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 sẽ trả đủ số tiền 495.000.000 đồng, nếu không trả sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 7.662 m² đất nông nghiệp. Nhưng đến nay không thực hiện được, do chủ nợ khác đã lấy diện tích đất này. Mục đích vợ chồng ông vay tiền này là cho người khác vay lại lấy lời, để sử dụng vào sinh hoạt cho gia đình và cho con ăn học.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T bổ sung ý kiến, cho rằng việc vay mượn tiền của bà S xuất phát từ tháng 6 năm 2016 đến khi lập biên nhận ngày 25 tháng 4 năm 2018 đã vay và nhận tiền làm 07 lần, được lập bằng 7 biên nhận, thực tế không nhận tiền 01 lần, đến ngày 25 tháng 4 năm 2018 mới tổng kết số tiền nợ là 495.000.000 đồng bằng biên nhận này. Đối với 07 biên nhận và việc yêu cầu khấu trừ tiền lãi đã đóng trong quá trình giải quyết ông không cung cấp và yêu cầu do nghĩ tình quen biết bà con với nhau, nên thừa nhận. Ông xác định từ sau khi lập biên nhận ngày 25 tháng 4 năm 2018 ông chưa trả khoản tiền nào cho bà S, nay ông yêu cầu được khấu trừ tiền tiền lãi ông đã trả cho bà S từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 4 năm 2018 là 2.376.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng), mỗi ngày trả 3.960.000 đ/ngày x 600 ngày, việc giao nhận tiền này

không có làm biên nhận, cũng không có ai chứng kiến. Nay ông thay đổi ý kiến không đồng ý xin trả dần, sau khi Tòa án xem xét trừ tiền lãi sẽ trả sau.

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Xuân Th:* Không có lời khai, do các lần Tòa án triệu tập bà đều vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L có ý kiến trình bày như sau:* Bà S là vợ của ông, còn ông T có quan hệ bà con. Việc ông T cho rằng ông nhận tiền lãi là ông không biết và cũng không có nhận khoảng tiền nào từ ông T, số tiền 495.000.000 đồng là tiền ông T và bà Th vay, sau khi không trả được nên thỏa thuận sang nhượng diện tích đất 7.662 m² cho vợ chồng ông. Đây là việc thỏa thuận vay giữa vợ ông với ông T, bà Th, ông không có yêu cầu trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST, ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên đã xử:

Căn cứ vào:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thùy S.

Buộc Ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân Th có trách nhiệm trả cho bà Trần Thùy S số tiền vay, vốn 495.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân Th phải chịu 23.800.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng*) tiền án phí.

Bà Trần Thùy S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 11.900.000 đồng (*Mười một triệu, chín trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0009424 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và thi hành án của đương sự.

Ngày 03/12/2018, ông Phạm Văn T kháng cáo: ông cho rằng vợ chồng ông đã vay tiền của bà Trần Thùy S từ năm 2016 đến nay, lập 07 biên nhận nợ, tổng số tiền: 495.000.000đ, ông bà trả lãi từ ngày vay đến ngày lập biên nhận nợ ngày 25/4/2018: 1.502.480.000đ vì ông có nhận lại biên nhận nên biết số tiền lãi đã trả.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến.

- Về tố tụng vụ án:

Việc tuân theo pháp luật, thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề xuất giải quyết vụ án: Bà S yêu cầu ông T, bà Th trả số tiền: 495.000.000đ vì ông T, bà Th không thực hiện đúng như biên nhận là sẽ chuyển quyền sử dụng đất. Ông T xác nhận đây là tiền vay và đồng ý trả, lời thừa nhận này là căn cứ không cần phải chứng minh nên được cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Th trả số tiền vay 495.000.000đ là có căn cứ, ông T không chứng minh được đã trả lãi số tiền số tiền 1.502.480.000đ, bên cho vay bà S không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn T trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Bà Trần Thùy S không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà S cùng xác nhận đây là tiền vay, ông S, bà Th còn nợ và đồng ý trả, lời thừa nhận này là chứng cứ không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự nên cấp sơ thẩm buộc ông T, bà Th trả số tiền này cho bà S là có căn cứ. Mặc dù, ông T cho rằng vợ chồng ông vay số tiền này từ năm 2016, mỗi lần vay có làm biên nhận, cộng 07 biên nhận thành tiền 495.000.000đ và trả lãi 1.502.480.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp 07 biên nhận nợ nhưng cả 07 biên nhận này do ông tự viết, tự giữ, không cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm vì ông cho rằng không biết. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lẽ thông thường thì những biên nhận nợ được ông T lập và ký tên phải được chủ nợ tức bên bà S giữ để làm chứng cứ hoặc nếu lập thành 02 bản thì người vay và người cho vay giữ mỗi người một bản, nhưng ông T xác nhận chỉ mình ông giữ các biên nhận này, bà S không thừa nhận nên 07

biên nhận mà ông T cung cấp không đảm bảo tính khách quan nên không được xem là chứng cứ.

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, ông T cho rằng ông và bà Th đã trả tiền lãi cho vợ chồng bà S, ông L với số tiền là: 2.376.000.000đ, tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông trình bày vợ chồng ông đã trả lãi: 1.502.480.000đ nhưng không cung cấp chứng cứ đã trả lãi số tiền này. Hơn nữa, số tiền trả lãi không thống nhất là 2.376.000.000đ hay 1.502.480.000đ, bà S không thừa nhận có nhận lãi của vợ chồng ông T nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo ông T. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, được khấu vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0014414 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST, ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Xử:

Căn cứ vào:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 357; Điều 463; khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thùy S.

Buộc Ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân Th có trách nhiệm trả cho bà Trần Thùy S số tiền vay, vốn 495.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân Th

phải chịu 23.800.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, tám trăm ngàn đồng*) tiền án phí.

Bà Trần Thùy S được nhận lại tiền tạm ứng án phí 11.900.000 đồng (*Mười một triệu, chín trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0009424 ngày 12 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

Án phí phúc thẩm: Ông T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ được khấu trừ 300.000đ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0014414 ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Bản án được thông qua tại phòng nghị án).

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Tịnh Biên;
- Chi cục THA-DS huyện Tịnh Biên;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Chí Keo

